

豊橋技術科学大学 学部及び大学院の卒業・修了期の早見表

学部入学年度		卒業・修了年度		学部	大学院
3年次	1年次	和暦	西暦	卒業期	修了期
		S51	1976		
		S52	1977		
		S53	1978		
S53		S54	1979	1	
S54		S55	1980	2	
S55	S53	S56	1981	3	1
S56	S54	S57	1982	4	2
S57	S55	S58	1983	5	3
S58	S56	S59	1984	6	4
S59	S57	S60	1985	7	5
S60	S58	S61	1986	8	6
S61	S59	S62	1987	9	7
S62	S60	S63	1988	10	8
S63	S61	H1	1989	11	9
H1	S62	H2	1990	12	10
H2	S63	H3	1991	13	11
H3	H1	H4	1992	14	12
H4	H2	H5	1993	15	13
H5	H3	H6	1994	16	14
H6	H4	H7	1995	17	15
H7	H5	H8	1996	18	16
H8	H6	H9	1997	19	17
H9	H7	H10	1998	20	18
H10	H8	H11	1999	21	19
H11	H9	H12	2000	22	20
H12	H10	H13	2001	23	21
H13	H11	H14	2002	24	22
H14	H12	H15	2003	25	23
H15	H13	H16	2004	26	24
H16	H14	H17	2005	27	25
H17	H15	H18	2006	28	26
H18	H16	H19	2007	29	27
H19	H17	H20	2008	30	28
H20	H18	H21	2009	31	29
H21	H19	H22	2010	32	30
H22	H20	H23	2011	33	31
H23	H21	H24	2012	34	32
H24	H22	H25	2013	35	33
H25	H23	H26	2014	36	34
H26	H24	H27	2015	37	35
H27	H25	H28	2016	38	36
H28	H26	H29	2017	39	37
H29	H27	H30	2018	40	38
H30	H28	R1	2019	41	39
R1	H29	R2	2020	42	40
R2	H30	R3	2021	43	41
R3	R1	R4	2022	44	42
R4	R2	R5	2023	45	43
R5	R3	R6	2024	46	44
R6	R4	R7	2025	47	45
R7	R5	R8	2026	48	46
R8	R6	R9	2027	49	47
R9	R7	R10	2028	50	48

大学院の場合は、修士課程の最初の修了者が1期生となり、博士課程の最初の修了者は8期生となります。